

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44** /2020/KDTM - ST

Ngày 21 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Chính

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 63/2019/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐST- KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2020/QĐST- KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ngoại thương V

Trụ sở chính: 198 Trần Quang K, phường L, Quận H, Tp. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T, Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M - Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp thuộc chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương B (theo Giấy ủy quyền số: 549/UQ-VCB-BĐI, ngày 02/10/2019).

Địa chỉ: 66C L, Tp. Q, tỉnh B.

Bị đơn: - Ông Trần Văn H, sinh năm 1971

- Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1976

Địa chỉ: 88 Lê Thanh N, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thanh B, sinh năm: 1994

2. Anh Trần Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2002

3. Anh Trần Thanh Đ, sinh ngày 23/3/2002

4. Cháu Trần Thanh P, sinh ngày 26/8/2013

Đồng địa chỉ: 88 Lê Thanh N, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H (là cha và mẹ của cháu Trần Thanh P).

(Ông M có mặt; ông H, bà H, anh B, anh Đ, anh Đ và cháu P vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại thương V (VCB) - ông Nguyễn Văn M trình bày:

* Về hợp đồng tín dụng:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương V, chi nhánh Q nay là chi nhánh B (VCB B) theo Hợp đồng tín dụng số: 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015 để vay số tiền 17.700.000.000đ, mục đích đóng mới tàu cá (theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản). Thời hạn cho vay 132 tháng (11 năm) kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng này. Ngày 08/12/2015 hai bên ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01, thời hạn cho vay 192 tháng (16 năm) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân, Bên vay chưa phải trả nợ gốc mỗi lần rút vốn, Bên vay phải lập Giấy nhận nợ theo mẫu của Bên cho vay. Kèm theo Hợp đồng tín dụng này là 05 Giấy nhận nợ, bao gồm:

- Giấy nhận nợ số 01, ngày 10 tháng 12 năm 2015 do ông Trần Văn H - đại diện Bên vay ký. Số tiền nhận nợ: 4.132.830.800đ. Mục đích sử dụng vốn: Đóng mới tàu cá. Thời hạn vay: 192 tháng. Ngày rút vốn: 10/12/2015, ngày đến hạn: 10/12/2031. Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 08/12/2015.

- Giấy nhận nợ số 02, ngày 07 tháng 01 năm 2016 do ông Trần Văn H - đại diện Bên vay ký. Số tiền nhận nợ: 1.724.551.000đ. Mục đích sử dụng vốn: Đóng mới tàu cá. Thời hạn vay: 192 tháng. Ngày rút vốn: 07/01/2016, ngày đến hạn: 10/12/2031. Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 08/12/2015.

- Giấy nhận nợ số 03, ngày 04 tháng 02 năm 2016 do ông Trần Văn H - đại diện Bên vay ký. Số tiền nhận nợ: 3.300.000.000đ. Mục đích sử dụng vốn: Đóng mới tàu cá. Thời hạn vay: 192 tháng. Ngày rút vốn: 04/02/2016, ngày đến hạn: 10/12/2031. Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số

2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 08/12/2015.

- Giấy nhận nợ số 04, ngày 25 tháng 7 năm 2016 do ông Trần Văn H - đại diện Bên vay ký. Số tiền nhận nợ: 8.188.484.435đ. Mục đích sử dụng vốn: Đóng mới tàu cá. Thời hạn vay: 192 tháng. Ngày rút vốn: 25/7/2016, ngày đến hạn: 10/12/2031. Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 08/12/2015.

- Giấy nhận nợ số 05, ngày 15 tháng 12 năm 2016 do ông Trần Văn H - đại diện Bên vay ký. Số tiền nhận nợ: 354.133.765đ. Mục đích sử dụng vốn: Đóng mới tàu cá. Thời hạn vay: 192 tháng. Ngày rút vốn: 15/12/2016, ngày đến hạn: 10/12/2031. Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 08/12/2015.

Tính đến ngày 13/8/2019, tổng nợ gốc và lãi vay còn lại của ông H và bà H là: 20.703.024.028. Trong đó: Nợ gốc: 17.530.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 3.043.954.722đ và nợ lãi quá hạn: 129.069.306đ.

*** Về hợp đồng thế chấp tài sản:**

Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thúy H và con là anh Trần Thanh B (Bên thế chấp) đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của mình thế chấp cho Ngân hàng theo 02 hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1936/2016, ngày 21/7/2016; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 1756 ngày 01/8/2018. Tài sản thế chấp là Tàu cá vỏ thép; chủ tàu là ông Trần Văn H; số đăng ký BD - 99029 – TS; công suất theo thiết kế 940 CV; giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 116/2018 do Chi cục Thủy sản B cấp ngày 09/3/2018 và trang thiết bị ngư lưới cụ theo tàu. Giá trị tài sản thế chấp 18.725.449.000đ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2200B/2015, ngày 28/8/2015, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 57B, tờ bản đồ số..., diện tích 56m². Địa chỉ thửa đất: Khu QHDC Đảo 1A Bắc Sông Hà T, phường Đ, Tp. Q, tỉnh B (địa chỉ hiện tại: số 88 Lê Thanh N, phường Đ, Tp. Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 612912, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01461 do UBND Tp. Q cấp ngày 07/5/2009, cấp cho hộ gia đình ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H. Tài sản gắn liền với đất: Nhà 03 tầng, BTCT (theo Giấy phép xây dựng số 641/GPXD ngày 29/5/2009 của UBND thành phố Q cấp + hồ sơ thiết kế; diện tích sử dụng 168m²; diện tích xây dựng 56m². Giá trị tài sản thế chấp 1.378.000.000đ.

Các hợp đồng thế chấp trên được công chứng, tài sản thế chấp đăng ký thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Hiện trạng hai tài sản thế chấp bình thường như khi Bên thế chấp thế chấp cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp do bên Thế chấp giữ; bản gốc các giấy tờ về tài sản thế chấp do Ngân hàng nắm giữ.

Quá trình thu hồi nợ:

Trong thời hạn có hiệu lực theo Hợp đồng tín dụng số: 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H đã nhận tiền vay theo 05 Giấy nhận nợ vay với tổng số tiền: 17.700.000.000đ, để dùng vào mục đích đóng mới tàu cá. Quá trình cho vay tính đến ngày 14/8/2019 Bên vay đã trả Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc 171.384.884đ, nợ lãi 38.792.481đ nhưng sau đó không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo quy định.

Thời gian qua Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc và yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng cho đến nay ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình không hợp tác. Hiện tại, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ vay sang nợ quá hạn và ông H, bà H đã là nợ xấu tại Ngân hàng.

Tính đến ngày 21/8/2020 tổng dư nợ của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H tại Ngân hàng tạm tính là: 22.104.218.127đ, (trong đó: nợ gốc: 17.528.615.116đ, nợ lãi trong hạn: 4.318.718.998đ, nợ lãi quá hạn: 256.884.013đ).

Như vậy, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H đã vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP Ngoại thương V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc:

1. Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 22.104.218.127đ, (trong đó: nợ gốc: 17.528.615.116đ, nợ lãi trong hạn: 4.318.718.998đ, nợ lãi quá hạn: 256.884.013đ) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương V thông qua VCB B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2200B/2015, ngày 28/8/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 1936/2016, ngày 21/7/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 1756 ngày 01/8/2018 để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để

thanh toán số tiền nợ thì ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

+ *Bị đơn*: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H và bà H không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Thanh B, anh Trần Thanh Đ và anh Trần Thanh Đ; cháu Trần Thanh P (ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H là cha, mẹ và là người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Thanh P) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh B, anh Đ, anh Đ, cháu P (đại diện theo pháp luật ông H và bà H) không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xét xử. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 292, 295, 299, 317, 318, 463, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VCB, buộc ông H và bà H phải có nghĩa vụ trả cho VCB tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 21/8/2020 là 22.104.218.127đ và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ; trường không trả được nợ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định. Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Ngoại thương V (VCB) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H, trú tại địa chỉ: 88 Lê Thanh N, phường Đ, Tp. Q, tỉnh B trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết với mục đích vay đóng mới tàu cá nên quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc trường hợp tranh chấp về kinh doanh thương mại và vụ án thuộc

thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Q theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thúy H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Trần Thanh B, anh Trần Thanh Đ và anh Trần Thanh Đ; cháu Trần Thanh P (người đại diện theo pháp luật là ông H và bà H là cha, mẹ của cháu P) nhưng ông H, bà H, anh B, anh Đ, anh Đ và cháu P không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nhà để tiến hành lấy lời khai nhưng ông H, bà H, anh B, anh Đ, anh Đ và cháu P vắng mặt nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H, bà H, anh B, anh Đ, anh Đ và cháu P không có mặt tại phiên toà, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; đây là trường hợp cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bà H, anh B, anh Đ, anh Đ và cháu P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H (Bên vay) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương V – Chi nhánh Q nay là Chi nhánh B, theo Hợp đồng tín dụng số: 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015, mục đích sử dụng vốn: đóng mới tàu cá (theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản), số tiền vay 17.700.000.000đ, mục đích sử dụng vốn: đóng mới tàu cá, thời hạn cho vay 132 tháng (11 năm), lãi suất cho vay 7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 08/12/2015 hai bên ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01 thời hạn cho vay 192 tháng (16 năm) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Kỳ hạn trả nợ gốc và số tiền trả nợ từng kỳ hạn theo Hợp đồng tín dụng số: 2200/2015/NĐ67 ngày 28/8/2015, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 03 ngày 07/12/2016 và số: 05 ngày 15/12/2016. Ông Trần Văn H đại diện Bên vay ký rút vốn tổng cộng số tiền 17.700.000.000đ theo các Giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ số 01, ngày 10/12/ 2015, số tiền nhận nợ: 4.132.830.800đ;
- Giấy nhận nợ số 02, ngày 07/01/2016, số tiền nhận nợ: 1.724.551.000đ;
- Giấy nhận nợ số 03, ngày 04/02/2016, số tiền nhận nợ: 3.300.000.000đ;
- Giấy nhận nợ số 04, ngày 25/7/2016, số tiền nhận nợ: 8.188.484.435đ;
- Giấy nhận nợ số 05, ngày 15/12/2016, số tiền nhận nợ: 354.133.765đ;

Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ do các bên tự nguyện giao kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức và nội dung của các văn bản này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ là hợp pháp có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, VCB B đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân cho ông H và bà H tổng cộng 17.700.000.000đ theo 05 giấy nhận nợ ngày ngày 10/12/2015, 07/01/2016, 04/02/2016, 25/7/2016, 15/12/2016. Tuy nhiên kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 14/8/2019 ông H và bà H đã trả cho VCB B tổng số tiền nợ gốc 171.384.884đ, nợ lãi 38.792.481đ nhưng sau đó không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo quy định. Do ông H và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng dẫn đến khoản vay quá hạn nên VCB khởi kiện yêu cầu ông H và bà H có nghĩa vụ trả số nợ gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, cần buộc ông H và bà H phải có nghĩa vụ trả cho VCB số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2020 là 22.104.218.127đ, (trong đó: nợ gốc: 17.528.615.116đ, nợ lãi trong hạn: 4.318.718.998đ, nợ lãi quá hạn: 256.884.013đ) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo số dư nợ gốc chưa thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.2] Về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, ông H và bà H thế chấp tài sản cụ thể theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1936/2016, ngày 21/7/2016; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 1756 ngày 01/8/2018. Tài sản thế chấp là Tàu cá vỏ thép; chủ tàu là ông Trần Văn H; số đăng ký BD - 99029 – TS; công suất theo thiết kế 940 CV; giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 116/2018 do Chi cục Thủy sản B cấp ngày 09/3/2018 và trang thiết bị ngư lưới cụ theo tàu.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2200B/2015, ngày 28/8/2015, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 57B, tờ bản đồ số..., diện tích 56m². Địa chỉ thửa đất: Khu QHDC Đảo 1A Bắc Sông Hà T, phường Đ, Tp. Q, tỉnh B (địa chỉ hiện tại: 88 Lê Thanh N, phường Đ, Tp. Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 612912, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01461 do UBND Tp. Q cấp ngày 07/5/2009, cấp cho hộ gia đình ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H. Tài sản gắn liền với đất: Nhà 03 tầng, BTCT (theo Giấy phép xây dựng số 641/GPXD ngày 29/5/2009 của UBND thành phố Q cấp + hồ sơ thiết kế; diện tích sử dụng 168m²; diện tích xây dựng 56m².

Các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông H, bà H và hộ gia đình ông H, bà H. Tài sản thế chấp và các hợp đồng thế chấp tài sản

được công chứng, đăng ký thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên có giá trị pháp lý để các bên thực hiện. Do vậy, nếu trường hợp ông H và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho VCB thì VCB có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự Tp. Q kê biên xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2020: Hiện trạng hai tài sản thế chấp như sau:

- Nhà và đất tại thửa đất số 57B, tờ bản đồ số..., diện tích 56m². Địa chỉ thửa đất: Khu QHDC Đảo 1A Bắc Sông Hà T, phường Đ, Tp. Q, tỉnh B (địa chỉ hiện tại: 88 Lê Thanh N, phường Đ, Tp. Q). Tại thời điểm xem xét, thẩm định không có mặt ông H, bà H và anh B; nhà khóa cửa bên ngoài. Tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 03 tầng.

- Tại thời điểm xem xét, thẩm định Tàu cá số đăng ký BD - 99029 – TS, không có mặt chủ tàu là ông Trần Văn H, các cửa đều khóa. Qua kiểm tra bên ngoài tàu có một số ngư cụ: lưới, thúng, dây rút, dù, ben kéo lưới. Tàu cá đang neo đậu tại Tổ 7A, KV9, phường H, Tp. Q, tỉnh B.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 2.500.000đ. Ngân hàng TMCP Ngoại thương V đã nộp tạm ứng 2.500.000đ nên ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải hoàn lại Ngân hàng số tiền tạm ứng 2.500.000đ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 130.104.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Áp dụng các Điều 292, 295, 299, 317, 318 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương V.

2. Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2020 là 22.104.218.127đ, (trong đó: nợ gốc: 17.528.615.116đ, nợ lãi trong hạn: 4.318.718.998đ, nợ lãi quá hạn: 256.884.013đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương V thì lãi suất mà ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương V.

3. Khi ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương V, chi nhánh B có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ giấy tờ bản gốc có liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H.

4. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự Tp. Q kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định, cụ thể:

4.1 Tài sản thế chấp là Tàu cá vỏ thép, chủ tàu là ông Trần Văn H; số đăng ký BD - 99029 – TS, công suất theo thiết kế 940 CV, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 116/2018 do Chi cục Thủy sản B cấp ngày 09/3/2018 và Trang thiết bị ngư lưới cụ theo tàu (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1936/2016, ngày 21/7/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 1756 ngày 01/8/2018).

4.2 Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 57B, tờ bản đồ số..., diện tích 56m². Địa chỉ thửa đất: Khu QHDC Đảo 1A Bắc Sông Hà T, phường Đ, Tp. Q, tỉnh B (địa chỉ hiện tại: 88 Lê Thanh N, phường Đ, Tp. Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 612912, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01461 do UBND Tp. Q cấp ngày 07/5/2009, cấp cho hộ gia đình ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H. Tài sản gắn liền với đất: Nhà 03 tầng, BTCT (theo Giấy phép xây dựng số 641/GPXD ngày 29/5/2009 của UBND thành phố Q cấp + hồ sơ thiết kế; diện tích sử dụng 168m²; diện tích xây dựng 56m² (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2200B/2015, ngày 28/8/2015).

Nếu tài sản kê biên, phát mãi không đủ để thanh toán số tiền nợ thì ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 2.500.000đ. Ngân hàng TMCP Ngoại thương V đã nộp tạm ứng 2.500.000đ nên ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải hoàn lại Ngân hàng số tiền tạm ứng 2.500.000đ.

6. Án phí KDTM sơ thẩm: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 130.104.000đ. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương V số tiền tạm ứng án phí 62.765.000đ theo biên lai thu số 0002286 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định